UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 54 / 2004/QĐ-UB	*Lạng Sơn, ngày 5 tháng 11 năm 2004*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

Ban hành quy chế tạm thời về xử lý các khoản nợ phải trả không có khả năng trả của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, khi thực hiện cổ phần hoá

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Quyết định số 172/2001/QĐ-TTg ngày 05/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 32/2002/TT-BTC ngày 10/4/2002 của Bộ Tài chính về việc xử lý giãn nợ, khoanh nợ, xoá nợ thuế những doanh nghiệp, cơ sở SXKD có khó khăn;

Căn cứ Nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về việc quản lý và xử lý nợ tồn đọng đối với doanh nghiệp, Thông tư số 85/2002/TT-BTC ngày 26/9/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 69 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01/4/2004 của Chính phủ; Quyết định số 492/2000/QĐ-NHNN5 ngày 28/11/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Xét đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn tại tờ trình số: 305 /TTr-NHNN ngày 15 tháng 9 năm 2004.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế tạm thời xử lý các khoản nợ phải trả không có khả năng trả của các Doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn khi thực hiện cổ phần hoá.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn, các Ngân hàng thương mại Nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
CHỦ TỊCH

Đoàn Bá Nhiên

Nơi nhận:
- Như Điều 3
- T.T tỉnh uỷ
- T.T HĐND tỉnh
- CT, PCT UBND tỉnh
- PVP Các tổ: CV
- Lưu: VT

QUI CHẾ TẠM THỜI
XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRẢ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN KHI THỰC HIỆN CỔ PHẦN HOÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 54 / 2004/QĐ-UB ngày 5 tháng 11 năm 2004 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi, đối tượng áp dụng

Qui chế này hướng dẫn xử lý các khoản nợ phải trả không có khả năng trả của các doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) do Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập và quản lý khi thực hiện cổ phần hoá.

Điều 2: Giải thích từ ngữ.

1. Nợ phải trả không có khả năng trả: Là các khoản nợ đã quá thời hạn thanh toán nhưng đến thời điểm DNNN khi thực hiện cổ phần hoá không có khả năng thanh toán được cho chủ nợ.

2. Thời điểm cổ phần hoá DNNN: "Thời điểm DNNN chuyển sang Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp" là thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Giá trị doanh nghiệp (Giá trị thực tế): Giá trị thực tế của doanh nghiệp là giá trị toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hoá có tính khả năng sinh lời của doanh nghiệp mà người mua, người bán cổ phần đều chấp nhận được.

Điều 3: Nợ phải trả không có khả năng trả gồm:

. Các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước

. Nợ các Ngân hàng thương mại (NHTM)

. Nợ Bảo hiểm xã hội, nợ cán bộ công nhân viên

. Nợ nước ngoài có bảo lãnh

. Nợ nước ngoài do doanh nghiệp tự vay không có bảo lãnh

. Nợ tín dụng đầu tư phát triển nhà nước

Điều 4: Phạm vi xử lý

Phạm vi xử lý là các khoản nợ phải trả không có khả năng trả của các DNNN tại thời điểm cổ phần hoá

Các khoản nợ phát sinh sau thời điểm cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tự thanh toán, thu hồi.

Điều 5: Yêu cầu và nguyên tắc xử lý nợ

1. Các doanh nghiệp có trách nhiệm đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng bao gồm nợ phải thu, nợ phải trả theo qui định của Chính phủ.

2. Doanh nghiệp phải huy động các nguồn để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả trước khi thực hiện cổ phần hoá hoặc thoả thuận với các chủ nợ để xử lý hoặc chuyển thành vốn góp cổ phần.

Việc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần được xác định thông qua kết quả đấu giá bán cổ phần hoặc do doanh nghiệp và chủ nợ thoả thuận nhưng không thấp hơn giá bán cổ phần cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp.

3. Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi hoặc không có khả năng trả nợ, trước hết doanh nghiệp phải tự tìm mọi biện pháp xử lý, cùng chia xẻ khó khăn giữa chủ nợ, khách nợ để xử lý thông quá các hình thức khoanh nợ, giãn nợ, xoá nợ, mua bán nợ; trường hợp vượt quá khả năng và thẩm quyền xử lý, doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có biện pháp hỗ trợ giải quyết.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ VỀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ NHƯNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA CÁC DNNN KHI THỰC HIỆN CỔ PHẦN HOÁ

Điều 6: Các khoản nợ DNNN vay của Ngân hàng thương mại nhà nước.

1- Nguyên tắc xử lý.

1.1. Đối với các DNNN có quyết định chuyển đổi sang Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp nhưng gặp khó khăn, không cân đối được nguồn để thanh toán các khoản nợ quá hạn thì Giám đốc Chi nhánh NHTM Nhà nước đề nghị Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại Nhà nước xem xét cho doanh nghiệp được giãn, khoanh các khoản nợ quá hạn đến thời điểm quyết định thực hiện cổ phần hoá trong thời hạn từ 3 đến 5 năm, trường hợp các doanh nghiệp này bị lỗ, không có khả năng thanh toán thì được xoá nợ lãi vay chưa trả Ngân hàng với mức không vượt quá số lỗ còn lại.

1.2. Ngoài biện pháp trên (1.1) các Ngân hàng thương mại nhà nước chủ động phối hợp với doanh nghiệp và các tổ chức có chức năng mua bán nợ và tài sản tồn đọng để xử lý phần nợ gốc quá hạn theo hướng:

1.2.1. Bán nợ theo qui định tại tiết 2.2.4 điểm 2 khoản I mục B Thông tư số 85/2002/TT/BTC ngày 26/9/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về quản lý và xử lý nợ tồn đọng đối với doanh nghiệp nhà nước.

1.2.2. Chuyển nợ thành vốn góp vào doanh nghiệp và được chuyển nhượng phần vốn góp này. Trong trường hợp này Ngân hàng thương mại phải dùng vốn điều lệ

và quĩ dự trữ tương ứng với phần nợ đã chuyển thành vốn góp vào doanh nghiệp và phải đảm bảo tỷ lệ vốn góp theo qui định tại Quyết định số 492/2000/QĐ-NHNN5 ngày 28/11/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Qui định về việc góp vốn, mua cổ phần của TCTD qui định cụ thể, đó là:

- Mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng trong 1 doanh nghiệp so với vốn điều lệ của doanh nghiệp đó tối đa không được vượt quá tỷ lệ 11%.

- Tổng mức vốn góp, mua cổ phần của Ngân hàng trong tất cả các doanh nghiệp so với vốn điều lệ và dự trữ của Ngân hàng không được vượt quá 30%.

1.3. Khoản lãi vay không thu được trong các trường hợp nêu trên các Ngân hàng thương mại Nhà nước được xử lý như sau:

- Trường hợp Ngân hàng thương mại nhà nước đã hạch toán khoản lãi cho vay đối với các khoản nợ tồn đọng này vào thu nhập của các năm trước thì sử dụng nguồn dự phòng rủi ro để bù đắp, nếu thiếu thì hạch toán vào chi phí năm xử lý.

- Trường hợp khoản lãi cho vay đối với khoản nợ tồn đọng này Ngân hàng thương mại Nhà nước không hạch toán vào thu nhập hàng năm mà dự thu theo dõi ngoài bảng thì xử lý xoá số dự thu đó ở tài sản ngoài bảng.

1.4. Khoản chênh lệch thiệt hại do bán nợ tồn đọng, các Ngân hàng thương mại nhà nước sử dụng dự phòng rủi ro để bù đắp. Trường hợp dự phòng rủi ro không đủ để bù đắp thì Ngân hàng thương mại Nhà nước hạch toán phần còn thiếu vào chi phí.

2- Hồ sơ pháp lý xử lý nợ.

- Công văn đề nghị xử lý nợ của doanh nghiệp vay vốn.
- Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện cổ phần hoá (Bản sao)
- Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp trước khi chuyển đổi của Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp (Bản sao)
- Các báo cáo tài chính, biên bản kiểm tra báo cáo tài chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nếu có (bản sao)
- Hồ sơ, tài liệu chứng minh việc không cân đối được nguồn để thanh toán các khoản nợ quá hạn (Bản sao)
- Biên bản xác định nguyên nhân không trả được nợ và đề nghị xử lý nợ (Ghi rõ hình thức đề nghị xử lý nợ và trách nhiệm của các bên) có xác nhận của Ngân hàng cho vay và cơ quan quản lý của doanh nghiệp
- Bản sao khế ước vay vốn hoặc giấy tờ chứng minh doanh nghiệp còn nợ Ngân hàng do Ngân hàng trực tiếp cho vay, bảo lãnh hay thanh toán sao y, ký tên và đóng dấu, rút số dư đến thời điểm báo cáo

3. Trình tự và thẩm quyền giải quyết.

Các doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý theo khoản 2 gửi đến NHTM mà doanh nghiệp dư nợ các NHTM có trách nhiệm giải quyết theo quy định của Tổng giám đốc NHTM quản lý.

Điều 7: Các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước của các DNNN khi chuyển sang Công ty cổ phần không có khả năng thanh toán.

1. Đối tượng và phạm vi xử lý

- DNNN chuyển sang Công ty cổ phần, còn nợ thuế và các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước, nếu đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ về tài chính và tín dụng mà doanh nghiệp vẫn còn khó khăn không có khả năng thanh toán nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước thì thuộc đối tượng được xoá nợ.

- Các khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước được xử lý bao gồm: Thuế doanh thu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế nhà đất, thuế lợi tức, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu về sử dụng vốn ngân sách, khấu hao cơ bản, phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, các khoản tiền phạt tính trên các khoản chậm nộp ngân sách nhà nước.

2. Thủ tục hồ sơ:

Doanh nghiệp thuộc đối tượng được xoá nợ phải lập hồ sơ gửi tới Cục Thuế tỉnh nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị xử lý xoá nợ của đơn vị nêu rõ số đề nghị kèm theo hồ sơ sau:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về thực hiện cổ phần hoá (Bản sao có chữ ký và đóng dấu của doanh nghiệp).

b) Quyết toán Thuế và xác nhận của cơ quan thuế về số thuế nợ đọng luỹ kế đến thời điểm cổ phần hoá. Đối với các khoản nợ thuế và thu của hàng hoá xuất nhập khẩu phải có xác nhận của cơ quan Hải Quan.

c) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp có số luỹ kế đến thời điểm cổ phần hoá.

d) Bản tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh.

3- Trình tự và thẩm quyền giải quyết

Cục Thuế tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, kiểm tra, xác định số nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách, có công văn đề nghị cụ thể về việc xử lý số nợ đọng thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước và gửi toàn bộ hồ sơ về Tổng cục Thuế. Tổng cục thuế xem xét và xác định số thuế xoá nợ, lấy ý kiến Cục tài chính doanh nghiệp, trình Bộ Tài chính ra quyết định xoá nợ.

Điều 8: Nợ BHXH, nợ cán bộ công nhân viên

Đối với khoản nợ BHXH, nợ cán bộ công nhân viên doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán dứt điểm trước khi cổ phần hoá để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Điều 9: Nợ phải trả nước ngoài quá hạn có bảo lãnh thì doanh nghiệp và người bảo lãnh phải đàm phán với chủ nợ để xoá lãi, khoanh nợ hoặc giảm nợ gốc và bố trí nguồn để trả nợ. Trường hợp không bố trí được nguồn trả nợ thì người bảo lãnh có trách nhiệm bố trí nguồn để trả nợ theo kì hạn đã cam kết cho doanh

nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn trả cho người bảo lãnh hoặc chuyển thành vốn của người bảo lãnh góp vào Công ty cổ phần.

Điều 10: Đối với các khoản nợ nước ngoài do doanh nghiệp tự vay, không có bảo lãnh thì doanh nghiệp có trách nhiệm bố trí nguồn để thanh toán hoặc thoả thuận với chủ nợ để xử lý hoặc chuyển nợ thành vốn góp trong Công ty cổ phần theo qui định của pháp luật.

Điều 11: Nợ vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước.

Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sở hữu (thực hiện cổ phần hoá) có nợ vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước. Thì việc xử lý khó khăn về tài chính được thực hiện theo quy định của Chính phủ như đối với các khoản nợ Ngân hàng thương mại. (doanh nghiệp thoả thuận với quỹ hỗ trợ phát triển nơi vay vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước để được giãn nợ, khoanh nợ, xoá nợ, giảm lãi suất vay).

Quỹ hỗ trợ phát triển có trách nhiệm xử lý các khoản nợ đọng theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Tổ chức thực hiện.

- Các Ngân hàng thương mại nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm hướng dẫn các khách hàng lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ, chủ động xem xét và đề nghị Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại Nhà nước thuộc hệ thống xử lý theo qui định.

- Cục thuế tỉnh, Hải Quan tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra xác minh khoản nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách mà các doanh nghiệp không có khả năng thanh toán xử lý theo qui định.

- Các doanh nghiệp nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp có các khoản nợ phải trả không có khả năng thanh toán cần đối chiếu xác nhận và phân loại nợ chủ động xử lý nợ tồn đọng và đề nghị với Ngân hàng thương mại Nhà nước, Cục Thuế tỉnh để xử lý nợ theo qui định.

- Cơ quan Thuế, cơ quan Hải Quan, các Ngân hàng thương mại nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển trên địa bàn khi nhận được hồ sơ của doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra xem xét hồ sơ, có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý nợ quá hạn trả không có khả năng trả của doanh nghiệp nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần theo thời gian là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của doanh nghiệp. Trường hợp cần bổ sung hồ sơ hoặc xác định doanh nghiệp không thuộc đối tượng được xử lý thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết trong thời gian qui định trên đây.

- Căn cứ vào nội dung hướng dẫn trên và các văn bản qui phạm pháp luật hiện hành của Chính phủ, Bộ Tài Chính, Ngân hàng Nhà nước đề nghị Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Ngân hàng Nhà

nước tỉnh, các Ngân hàng thương mại Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Quĩ Hỗ trợ phát triển và các ngành có liên quan chỉ đạo và hướng dẫn các doanh nghiệp Nhà nước có khoản nợ phải trả không có khả năng trả nợ khi chuyển sang Công ty cổ phần để xử lý đúng theo qui định của pháp luật.

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

CHỦ TỊCH

Đoàn Bá Nhiên